TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 11 - 01 - 2024
V/v: "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo.

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện hợp pháp: Bà **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 2002. *(có mặt)*
Địa chỉ: Số B, khu vực C, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ. *(Hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2023)*

Bị đơn: Bà **Lê Thị Nguyệt M**, sinh năm 1950. *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 15/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L (có đại diện là bà Trần Thị Thanh N) trình bày:***

Nguyên vào năm 2021, bà Lê Thị Nguyệt M là chủ hụi, do quen biết nên bà L có tham gia nhiều dây hụi do bà M làm chủ gồm:

- 01 chân hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/01/2021 dương lịch (có 32 hụi viên), bà L đã đóng hụi sống được 25 lần, số tiền đóng được là 25.000.000 đồng.

- 01 chân hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/8/2022 dương lịch (có 13 hụi viên), bà L đã đóng được 09 lần, số tiền đóng được là 18.000.000 đồng.

Đến ngày 15/5/2023, bà M tuyên bố bể hụi, bà M thừa nhận còn nợ bà L tổng số tiền là 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)*, có làm giấy xác nhận nợ và hẹn thời gian trả số tiền này cho bà L nhưng bà M cứ hẹn lần lựa mà không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà M trả cho bà L tổng số tiền hụi là 43.000.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu đồng)* là tiền nợ hụi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Nguyệt M trình bày:***

Bà thừa nhận bà L có tham gia các chân hụi như nguyên đơn trình bày. Do có nhiều hụi viên hốt hụi xong không đóng hụi lại nên bà phải tự tràn hụi, kéo dài một thời gian đến tháng 5/2023 thì bà không còn khả năng tràn hụi nên bể hụi. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền hụi thực tế bà L đã đóng là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*, xin được trả dần. Do sức khỏe không đảm bảo, bà xin được vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Thị L (có đại diện là bà Trần Thị Thanh N) thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà M trả cho bà L số tiền hụi thực tế bà L đã đóng là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng),* không đồng ý cho trả dần.

- Bị đơn bà Lê Thị Nguyệt M xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định về xét xử sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hụi*". Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân,

được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Nguyệt M xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 2021, bà M có làm chủ hụi, bà L có tham gia các dây hụi gồm:

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 15/01/2021, gồm có 32 hụi viên, bà L tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 25 lần.

- Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 10/8/2022, gồm có 13 hụi viên, bà L tham gia 01 chân hụi và đã đóng được 09 lần.

Đến ngày 15/5/2023, bà M tuyên bố bể hụi và hẹn thời gian trả lại số tiền hụi mà bà L đã đóng nhưng bà M không thực hiện và kéo dài cho đến nay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà M trả cho bà L số tiền hụi 35.000.000 đồng.

Bà M thừa nhận bà L có tham gia các dây hụi trên và bà M thừa nhận có nợ bà L số tiền hụi là 35.000.000 đồng, nay bà M đồng ý trả cho bà L số tiền này nhưng xin được trả dần.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà M trả cho bà L số tiền hụi là 35.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Tại Biên bản hòa giải ngày 21/12/2023, bà M thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà L số tiền hụi là 35.000.000 đồng, đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn chưa thống nhất được phương thức thanh toán, bị đơn xin được trả dần, nguyên đơn không đồng ý. Do pháp luật dân sự không quy định về việc trả dần nên yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, cần buộc bà M trả cho bà L số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà M phải chịu án phí có giá ngạch, tuy nhiên bà M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà Lựu phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L (có đại diện là bà Trần Thị Thanh N) đối với bị đơn bà Lê Thị Nguyệt M.

Buộc bà Lê Thị Nguyệt M trả cho bà Lê Thị L số tiền 35.000.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Lê Thị Nguyệt M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền 1.075.000 đồng *(Một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004315 ngày 27/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế